

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu
công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống
tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 19/7/2016 của HĐND tỉnh về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-BNN-CB ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 286/TTr-SKHCCN ngày 30/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX (Hậu).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

KẾ HOẠCH

Tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày /12/2020 của UBND tỉnh)

I. Sự cần thiết ban hành kế hoạch

1. Tính cấp thiết của kế hoạch

Quảng Nam là một tỉnh có nền nông nghiệp chiếm ưu thế, sản phẩm nông sản khá đa dạng, phong phú. Qua quá trình phát triển, người nông dân Quảng Nam đã nhận thức và mạnh dạn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất để cho ra những sản phẩm bước đầu đáp ứng nhu cầu thị trường. Nhưng vấn đề đặt ra, để phát triển các sản phẩm một cách bền vững, các sản phẩm cần phải được đầu tư mở rộng sản xuất, tạo đầu ra ổn định, tuân thủ những phương thức sản xuất để có sản phẩm chất lượng cao và hướng đến các thị trường lớn trong và ngoài nước. Đồng thời, xu thế của người tiêu dùng hiện đại là chọn lựa sản phẩm có chất lượng tốt, có thương hiệu, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đặc biệt đảm bảo những tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Mặc dù các sản phẩm đặc sản (SPĐS) của Quảng Nam có lịch sử hình thành lâu đời, có danh tiếng nhưng chỉ là danh tiếng truyền miệng, chưa được quảng bá rộng rãi trên thị trường trong nước và quốc tế nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc phát huy giá trị, danh tiếng, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Bên cạnh đó, các vấn đề về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, nhãn hàng hóa, thị trường tiêu thụ,... của các SPĐS chưa được sự quan tâm đồng bộ của nhà nước, các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp,... dẫn đến nhiều sản phẩm có thể bị mai một dần, thậm chí có thể bị biến mất trên bản đồ đặc sản của tỉnh.

Đồng thời, trong thực tế vẫn còn các doanh nghiệp, hộ sản xuất, tổ chức hợp tác xã/ hội sản xuất kinh doanh sản phẩm hiệu rất mơ hồ về giá trị tài sản sở hữu trí tuệ, cụ thể là quyền sở hữu công nghiệp (SHCN), không nhận thức được tầm quan trọng trong việc sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ như là một lợi thế tích cực trong việc mở rộng đầu tư và cạnh tranh thị trường. Các doanh nghiệp, hộ sản xuất sử dụng các nhãn hiệu một cách tự phát, "*mạnh ai nấy làm*" và không tuân theo luật định. Do đó, không thống nhất và tạo được sức mạnh tổng hợp nhằm đẩy mạnh việc xác lập, quảng bá và phát triển các nhãn hiệu đã được xác lập trở thành các thương hiệu mạnh.

Việc đăng ký tạo lập quyền sở hữu SHCN dưới hình thức nhãn hiệu tập thể (NHTT), nhãn hiệu chứng nhận (NHCM), chỉ dẫn địa lý (CDĐL) cho các SPĐS của Quảng Nam là một trong những giải pháp cần thiết nhất để phát triển sản phẩm; bên cạnh đó việc thiết lập cơ chế quản lý, các điều kiện sử dụng các

nhãn hiệu, cơ chế khai thác nhãn hiệu cần được đầu tư. Đó là những yếu tố cơ bản, giúp cho đơn vị quản lý và các đối tượng liên quan thuận lợi trong quản lý, sản xuất kinh doanh, giúp cho các SPĐS đạt chất lượng tốt, nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm và có “*thương hiệu chính thức*”, góp phần khẳng định được vị thế trên thị trường.

Tại tỉnh Quảng Nam, từ khi Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 19/7/2016 của HĐND tỉnh về “*Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Quảng Nam đến 2025, tầm nhìn 2030*”, Kế hoạch số 5308/KH-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc “*Tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020*” được ban hành, công tác quản lý về SHCN được chú trọng, nhiều hoạt động truyền thông về vai trò của quyền SHCN được phổ biến trên nhiều phương tiện, hoạt động tập huấn, hội nghị, hội thảo về lĩnh vực SHCN được đẩy mạnh đã góp phần nâng cao nhận thức của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh. Số lượng văn bằng nhãn hiệu được cấp cho các tổ chức tập thể và doanh nghiệp trên địa bàn trong những năm gần đây đã tăng lên đáng kể; đặc biệt thông qua việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 5308/KH-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam đã hướng dẫn, xây dựng hồ sơ đăng ký tạo lập quyền cho 36 sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống của địa phương; thực hiện quản lý phát triển cho 15 sản phẩm. Đây là tiền đề nâng cao uy tín các sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Việc sử dụng nhãn hiệu đã được tạo lập quyền SHCN dưới hình thức NHTT, NHCN mang tên các địa danh trên các sản phẩm có ý nghĩa lớn, thương hiệu này là thương hiệu có tính bền vững cao, được pháp luật thừa nhận và có ảnh hưởng đối với đại bộ phận người tiêu dùng. Một số sản phẩm sau khi đăng ký xác lập quyền, thực hiện quản lý phát triển theo Kế hoạch số 5308/KH-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh bước đầu đã tạo được những ưu thế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân như giá cả tăng cao, thị trường được mở rộng và tạo được lòng tin đối với người tiêu dùng như rau Trường Xuân, mộc Kim Bồng, gôm Thanh Hà, nước mắm Tam Thanh, dúc đồng Phước Kiều, bưởi Đại Bình, bê thui Cầu Mống, lựu Mã Châu, bánh tráng Đại Lộc, nước mắm Duy Hải, nấm Nhì Tây Hiệp Đức, gạo Ái Nghĩa, ớt A Riêu Mà Cooih, ... Khai thác sử dụng nhãn hiệu trong thực tế có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống cho các sản phẩm nông, lâm đặc sản, làng nghề địa phương, thúc đẩy cuộc chiến chống lạm dụng và gian lận thương mại, nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, giúp thúc đẩy tiềm năng phát triển của các nguồn lực địa phương, nâng cao đời sống cộng đồng, đặc biệt là các khu vực nông thôn, miền núi trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, việc tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch “*Tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc*

sản, sản phẩm làng nghề truyền thống của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025” là hết sức cần thiết, nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 19/7/2016 của HĐND tỉnh về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 2636/QĐ-BNN-CB ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề;

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao nhận thức của cán bộ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, triển khai mô hình quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ dưới hình thức đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Từ năm 2021-2022 hoàn thành việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho 20 sản phẩm dưới hình thức nhãn hiệu tập thể.

- Từ năm 2021-2025 thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá và mở rộng thị trường để khai thác nâng cao giá trị của 15 nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống của tỉnh.

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức cho cán bộ địa phương và người dân trong vùng thực hiện kế hoạch về vai trò của nhãn hiệu, cách thức sử dụng nhãn hiệu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục tuyên truyền quảng bá giới thiệu các sản phẩm thông qua việc xây dựng Website, ký gửi sản phẩm tại các địa điểm du lịch, siêu thị cho các sản phẩm thực hiện ở giai đoạn 2016-2020.

III. Cơ sở lựa chọn sản phẩm và thời gian thực hiện Kế hoạch

1. Cơ sở lựa chọn sản phẩm để thực hiện tạo lập, quản lý, phát triển quyền sở hữu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025

Việc chọn hỗ trợ thực hiện tạo lập, phát triển, quản lý quyền SHCN dưới hình thức NHTT, NHCN đối với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề

truyền thống giai đoạn 2021 - 2025 dựa trên đề xuất từ các địa phương cũng như việc đánh giá về chiều hướng phát triển của sản phẩm; những sản phẩm có khả năng đem lại nhiều lợi ích kinh tế, có thể phát triển thành sản xuất hàng hóa, giải quyết được nhiều việc làm cho cộng đồng địa phương, sản phẩm là điểm đến của du lịch; đồng thời, một số sản phẩm do yêu cầu cấp thiết phải bảo tồn, phục hồi giá trị đặc trưng văn hóa lịch sử truyền thống đang có nguy cơ bị mai một.

Đồng thời, việc lựa chọn sản phẩm nói trên được xác lập thông qua kết quả công tác quản lý nhà nước về nhãn hiệu tập thể (các đề tài, dự án; công tác điều tra, khảo sát, nghiên cứu phục vụ quản lý, phát triển; các lớp tập huấn, hội thảo...).

2. Thời gian thực hiện: 05 năm (từ năm 2021 đến năm 2025)

IV. Nội dung thực hiện

1. Tạo lập quyền sở hữu công nghiệp

Xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký tạo lập quyền SHCN dưới hình thức đăng ký NHTT theo quy định của pháp luật cho 20 sản phẩm; nộp hồ sơ đăng ký Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Các công việc chính gồm:

- Xác định chủ sở hữu nhãn hiệu;
- Thiết kế mẫu nhãn hiệu cho từng sản phẩm;
- Xây dựng quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể đối với từng sản phẩm;
- Xây dựng bản đồ địa danh cho từng sản phẩm.
- Hội thảo thống nhất mẫu nhãn hiệu và các văn bản của hồ sơ đăng ký tạo lập quyền SHCN dưới hình thức nhãn hiệu tập thể (tổ chức 2 lần).
- Xây dựng văn bản xin sử dụng địa danh để đăng ký xác lập quyền SHCN dưới hình thức nhãn hiệu tập thể.
- Lập và hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký tạo lập quyền SHCN đối với từng sản phẩm.

2. Thực hiện nội dung quản lý và phát triển quyền SHCN cho các sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận

a) Xây dựng các văn bản phục vụ công tác quản lý, sử dụng và phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm.

b) Tổ chức Hội thảo thống nhất ý kiến để ban hành các văn bản phục vụ công tác quản lý, sử dụng và phát triển sản phẩm. Thảo luận củng cố công tác tổ chức quản lý, sử dụng, phát triển nhãn hiệu sản phẩm và thống nhất hệ thống nhận diện sản phẩm để in ấn dùng thử.

c) Thiết kế, in ấn hệ thống tem, nhãn, bao bì, tờ rơi, áp phích, bảng hiệu (hệ thống nhận diện) cho từng sản phẩm

- Thiết kế hệ thống nhận diện cho từng sản phẩm trên nền tảng logo đã được bảo hộ và được sự thống nhất của chủ sở hữu và các thành viên được trao quyền sử dụng nhãn hiệu.

- Tổ chức in ấn hệ thống nhận diện cho các hộ tham gia sử dụng nhãn hiệu được dùng thử trên sản phẩm của mình để bày bán trên thị trường.

d) Xây dựng Website để quảng bá cho từng sản phẩm.

e) Tổ chức hệ thống giới thiệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho từng sản phẩm tại các hội chợ, siêu thị, địa điểm du lịch trong tỉnh.

- Thiết kế, xây dựng các gian hàng cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề tham gia trưng bày, giới thiệu, dùng thử tại các siêu thị, hội chợ, địa điểm du lịch.

- Tổ chức thu mua các sản phẩm để ký gửi, trưng bày, giới thiệu tại các siêu thị, hội chợ, địa điểm du lịch.

- Tổ chức công tác truyền thông để quảng bá, giới thiệu sản phẩm tại các siêu thị, hội chợ, địa điểm du lịch.

f) Vận hành mô hình quản lý và sử dụng nhãn hiệu trong thực tế

- Tổ chức trao quyền sử dụng nhãn hiệu cho các thành viên tham gia trong mô hình quản lý và sử dụng nhãn hiệu.

- Triển khai mô hình quản lý và sử dụng nhãn hiệu theo quy chế.

g) Tổ chức tập huấn phổ biến kiến thức về cách thức sử dụng nhãn hiệu, vai trò đăng ký nhãn hiệu cho các hộ dân trong vùng thực hiện kế hoạch

- Mỗi địa phương có sản phẩm tổ chức 01 lớp tập huấn trong 1 ngày.

- Mỗi lớp tập huấn có khoảng 50 học viên tham dự.

- Nội dung tập huấn: Phổ biến vai trò và phương thức quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho cán bộ địa phương, chủ sở hữu nhãn hiệu và các hộ tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm.

Ghi chú: Trong các sản phẩm thực hiện nội dung này có 15 sản phẩm mới bắt đầu thực hiện trong giai đoạn này sẽ thực hiện tất cả các nội dung thực hiện nêu trên. Đối với 10 sản phẩm đã thực hiện một số hoạt động ở giai đoạn 2016 – 2020 chỉ thực hiện nội dung tuyên truyền quảng bá giới thiệu các sản phẩm thông qua việc xây dựng Website, ký gửi sản phẩm tại các địa điểm du lịch, siêu thị cho các sản phẩm thực hiện ở giai đoạn 2016-2020.

3. Xây dựng phim tư liệu giới thiệu các sản phẩm trên phương tiện truyền thông

Tổ chức xây dựng phim tư liệu giới thiệu các sản phẩm trên phương tiện truyền thông.

Hợp đồng với các đơn vị liên quan để xây dựng phim tư liệu nhằm quảng bá phát triển sản phẩm.

V. Tiến độ thực hiện

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	<p>Xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập danh mục các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề truyền thống; - Thu thập thông tin, tổng hợp đề xuất từ các địa phương. - Tổ chức lấy ý kiến các địa phương, các ngành liên quan. - Hoàn chỉnh kế hoạch 	Sở KH&CN	Các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có sản phẩm	2020
2	Tạo lập quyền sở hữu công nghiệp dưới hình thức nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn , các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có sản phẩm	2021-2022
3	Thực hiện nội dung quản lý và phát triển quyền SHCN cho các sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận			
3.1	Tổ chức Hội thảo thống nhất ý kiến để ban hành các văn bản phục vụ công tác quản lý, sử dụng và phát triển sản phẩm. Thảo luận củng cố công tác tổ chức quản lý, sử dụng, phát triển nhãn hiệu sản phẩm và thống nhất hệ thống nhận diện sản phẩm để in ấn dùng thử	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn, các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, TP có sản phẩm, chủ sở hữu nhãn hiệu và các thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu	2021-2025
3.2	Thiết kế, in ấn hệ thống tem, nhãn, bao bì, tờ rơi, áp phích, bảng hiệu (hệ thống nhận diện) cho từng sản phẩm;	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn , các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, TP có sản phẩm, chủ sở hữu nhãn hiệu và các thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu	2021-2024

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
3.3	Tổ chức hệ thống giới thiệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho từng sản phẩm tại các hội chợ, siêu thị	Sở KH&CN	UBND các huyện, thị xã, thành phố có sản phẩm, chủ sở hữu nhãn hiệu và các thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu	2021-2025
3.4	Tổ chức, trao quyền sử dụng, đào tạo tập huấn phổ biến kiến thức về cách thức sử dụng nhãn hiệu, vai trò đăng ký nhãn hiệu cho các hộ dân trong vùng thực hiện kế hoạch	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn , các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, TP có sản phẩm, chủ sở hữu nhãn hiệu và các thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu	2021 - 2025
3.5	Thiết kế, vận hành Website cho các sản phẩm	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn , các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, TP có sản phẩm, chủ sở hữu nhãn hiệu và các thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu	2021-2025
4	Xây dựng phim tư liệu giới thiệu các sản phẩm trên phương tiện truyền thông	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn	2021-2025
5	Đánh giá, tổng kết kế hoạch	VP UBND tỉnh; Sở KH&CN	Các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, TP có sản phẩm, chủ sở hữu nhãn hiệu và các thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu	2025

VI. Sản phẩm cần đạt được

TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên sản phẩm)	Yêu cầu đạt được	Ghi chú
I	Tạo lập quyền sở hữu công nghiệp		
1	Hồ sơ đăng ký chứng nhận quyền SHCN dưới hình thức nhãn hiệu tập thể cho 20 sản phẩm	Quyết định công nhận hồ sơ hợp lệ hoặc giấy chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu cho 20 sản phẩm của Cục Sở hữu trí tuệ	Việc được chấp nhận cấp văn bằng còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong quá trình thẩm định của Cục Sở hữu trí tuệ
II	Thực hiện nội dung quản lý và phát triển quyền SHCN cho các sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận		
1	Tổ chức Hội thảo thống nhất ý kiến để ban hành các văn bản phục vụ công tác quản lý, sử dụng và phát triển sản phẩm. Thảo luận củng cố công tác tổ chức quản lý, sử dụng, phát triển nhãn hiệu sản phẩm và thống nhất hệ thống nhận diện sản phẩm để in ấn dùng thử	Chính quyền địa phương, chủ sở hữu và các thành viên sử dụng nhãn hiệu thống nhất được mô hình quản lý, sử dụng nhãn hiệu; thống nhất được hệ thống nhận diện để quảng bá sản phẩm.	
2	Thiết kế, in ấn hệ thống tem, nhãn, bao bì, tờ rơi, áp phích, bảng hiệu (hệ thống nhận diện) cho từng sản phẩm.	Hệ thống nhận diện của 15 sản phẩm được sử dụng trong thực tế	Mỗi sản phẩm là 01 bộ mẫu riêng
3	Tổ chức tạo tập huấn phổ biến kiến thức về cách thức sử dụng nhãn hiệu, vai trò đăng ký nhãn hiệu cho các hộ dân trong vùng thực hiện kế hoạch	Cán bộ quản lý địa phương, người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hiểu được quyền SHCN nói chung và NHCN/NHTT nói riêng cũng như các công cụ được thiết kế xây dựng trong quá trình vận hành NHCN/NHTT, hiểu	Mỗi địa phương có sản phẩm tổ chức 01 lớp tập huấn gồm 50 học viên trong 1 ngày

TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên sản phẩm)	Yêu cầu đạt được	Ghi chú
		được vai trò của nhãn hiệu	
4	Tổ chức trao quyền sử dụng nhãn hiệu cho các tổ chức, cá nhân	Các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được trao quyền sử dụng nhãn hiệu.	
5	Xây dựng Website để quảng bá cho từng sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị tư vấn	Website được vận hành trong thực tế
6	Tổ chức hệ thống giới thiệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho từng sản phẩm tại các hội chợ, siêu thị, địa điểm du lịch	Các sản phẩm được tham gia trưng bày, giới thiệu, quảng bá hàng dùng thử tại các hội chợ, siêu thị, địa điểm du lịch	
7	Kiểm tra mô hình quản lý và phát triển nhãn hiệu	Sở Khoa học và Công nghệ và chính quyền địa phương	
III	Xây dựng phim tư liệu giới thiệu các sản phẩm trên phương tiện truyền thông	Phim tư liệu quảng bá các sản phẩm được xây dựng trong từng năm đối với từng sản phẩm và theo tiến độ hoạt động của Kế hoạch. Các phim tư liệu được phát sóng trên đài phát thanh truyền hình Quảng Nam.	Phim tư liệu có thể được phát trong chương trình khoa học và công nghệ.

VI. Kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện: **6.998.050.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng y).

Thời gian	Kinh phí
Năm 2021	1.412.650.000
Năm 2022	1.593.400.000
Năm 2023	1.324.000.000
Năm 2024	1.324.000.000
Năm 2025	1.344.000.000
Tổng cộng	6.998.050.000đ

(Chi tiết theo phụ lục I đến phụ lục IV đính kèm).

- Nguồn kinh phí: Kinh phí sự nghiệp KH&CN tỉnh.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Các giải pháp thực hiện

a) Tạo lập quyền sở hữu công nghiệp

Để hoàn chỉnh bộ hồ sơ đăng ký xác lập quyền dưới hình thức nhãn hiệu tập thể; Tổ triển khai Kế hoạch thực hiện các nội dung công việc sau:

- Kiểm tra thực tế và làm việc với chính quyền địa phương để thống nhất đơn vị đứng ra làm chủ sở hữu nhãn hiệu để làm các thủ tục đăng ký tạo lập quyền SHCN.

- Thiết kế logo, nhãn hiệu hàng hóa: mời đơn vị tư vấn có chuyên môn trong lĩnh vực thiết kế cùng tham gia.

- Xây dựng quy chế sử dụng nhãn hiệu, bản thuyết minh về tính chất, chất lượng đặc trưng (hoặc đặc thù) của sản phẩm mang nhãn hiệu, bản đồ địa danh của vùng mang sản phẩm: Mời chuyên gia xây dựng dự thảo và tổ chức Hội thảo lấy ý kiến của tất cả các thành viên tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm và đại diện các Sở, Ban, ngành liên quan cùng tham gia, thực hiện riêng biệt cho từng sản phẩm.

- Văn bản đề nghị sử dụng địa danh, xây dựng mẫu tờ khai đăng ký xác lập quyền SHCN cho các sản phẩm, phân loại sản phẩm...: Tổ triển khai sẽ hướng dẫn trực tiếp cho các địa phương có sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề truyền thống thực hiện.

b) Thực hiện nội dung quản lý và phát triển quyền SHCN cho các sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận

- Thiết kế Website, xây dựng hệ thống tem, nhãn, bao bì, tờ rơi, áp phích, bảng hiệu cho từng sản phẩm: Mời đơn vị tư vấn chuyên trong lĩnh vực quảng cáo, thiết kế logo, hệ thống tem, nhãn thực hiện; tổ chức lấy ý kiến của lãnh đạo địa phương, các thành viên tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm và các Sở, Ban, ngành liên quan để hoàn chỉnh nội dung.

- Tổ chức in ấn hệ thống tem, nhãn, bao bì, tờ rơi, áp phích, bảng hiệu cho từng sản phẩm: Thuê đơn vị dịch vụ triển khai thực hiện.

- Tổ chức hệ thống giới thiệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho từng sản phẩm tại các chợ, siêu thị: Hợp đồng, ký gửi sản phẩm để trưng bày, giới thiệu, bày bán tại các chợ, siêu thị, địa điểm du lịch.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về phương thức quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và vai trò của nhãn hiệu.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện Kế hoạch sẽ làm việc với địa phương và xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai tập huấn. Tổ triển khai thực hiện sẽ là báo cáo viên trong các buổi tập huấn hoặc mời các chuyên gia tư vấn làm báo cáo viên.

c) Tổ chức xây dựng phim tư liệu giới thiệu sản phẩm trên phương tiện

truyền thông: hợp đồng với Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam và các đơn vị đài, báo khác.

2. Phân công trách nhiệm thực hiện

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

- Lựa chọn các tổ chức tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn, điều kiện hoạt động về tư vấn SHCN theo quy định cùng phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Ký hợp đồng thực hiện; đánh giá, nghiệm thu các nội dung của Kế hoạch.

- Định kỳ hằng năm tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh.

b) Sở Tài chính

Thẩm định và bố trí kinh phí ngân sách tỉnh để triển khai thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp các thông tin cần thiết và thực hiện các nội dung có liên quan trong Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các đơn vị trên địa bàn tham gia thực hiện các nội dung theo kế hoạch; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch thuộc địa phương mình quản lý.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra kết quả thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, Ban ngành, liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp triển khai thực hiện đạt kết quả./.

Phụ lục I
Dự toán kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch

(Kèm theo Kế hoạch tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025)

Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Nội dung công việc	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
1	Kinh phí tạo lập quyền SHCN dưới hình thức nhãn hiệu tập thể. 20 sản phẩm x 63.090.000đ = 1.261.800.000đ <i>(Chi tiết theo phụ lục II)</i>	1.261.800	Kinh phí cho mỗi nhãn hiệu là 63.090.000đ
2	Thực hiện nội dung quản lý, sử dụng và phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm. 15 sản phẩm x 180.750.000 = 2.711.250.000đ <i>(Chi tiết được thể hiện ở phụ lục III)</i>	2.711.250	Chưa bao gồm hoạt động tổ chức hệ thống giới thiệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho từng sản phẩm tại các chợ, siêu thị (nội dung này được thực hiện chung cho các sản phẩm theo Mục 3)
3	Tổ chức hệ thống giới thiệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho từng sản phẩm tại các chợ, siêu thị, địa điểm du lịch. - Chi phí thuê mặt bằng (ký gửi) chi phí thiết kế, xây dựng gian hàng giới thiệu sản phẩm tại các chợ, siêu thị, địa điểm du lịch: 40.000.000đ/địa điểm/năm x 4 địa điểm/năm x 5năm = 800.000.000đ - Chi phí mua sản phẩm để trưng bày, giới thiệu người tiêu dùng, dùng thử sản phẩm: Bình quân mỗi sản phẩm mua 7 triệu, có 25 sản phẩm, vậy tổng kinh phí: 25 x 7.000.000đ = 175.000.000đ. - Chi tiền thuê xe vận chuyển sản phẩm từ các địa phương về địa điểm trưng bày 2.000.000đ/lượt (lượt đi và về) x 8lượt/năm x 5 năm = 80.000.000đ	1.055.000	Hoạt động này diễn ra trong năm 5, từ 2021-2025. - 10 sản phẩm thực hiện quản lý phát triển ở giai đoạn 2016-2020. - 15 sản phẩm thực hiện quản lý phát triển ở giai đoạn 2021-2025

TT	Nội dung công việc	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
4	Tổ chức xây dựng phim tư liệu giới thiệu sản phẩm trên phương tiện truyền thông 40 triệu đồng/ năm x 5 năm (bao gồm cả chi phí xây dựng phim, chi phí đi lại,...)	200.000	Xây dựng phim tư liệu cho các sản phẩm tạo lập và quản lý phát triển
5	Xây dựng Website cho từng sản phẩm 40.000.000đ/Website /sản phẩm x 25 sản phẩm= 1.000.000.000đ (bao gồm chi phí thiết kế, nhập liệu, duy trì, mua tên miền, thuê Hosting, hướng dẫn vận hành Website,..)	1.000.000	- 10 Website cho các sản phẩm thực hiện quản lý phát triển ở giai đoạn 2016-2020. - 15 Website cho các sản phẩm thực hiện quản lý phát triển ở giai đoạn 2021-2025
6	Chi phí thuê hỗ trợ kỹ thuật, giám sát việc vận hành mô hình quản lý, sử dụng và phát triển sản phẩm 2.000.000đ/người/tháng/sản phẩm x 15 tháng x 15 sản phẩm	450.000	Mỗi sản phẩm thuê một cán bộ kỹ thuật theo dõi, giám sát cho từng mô hình của sản phẩm.
7	Chi phí văn phòng phẩm trong quá trình triển khai kế hoạch: (mỗi năm 10 triệu, kế hoạch triển khai trong 5 năm) 5năm x 10.000.000 =50.000.000đ	50.000	
8	Chi phí công tác phí, thuê xe đi lại làm việc với các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch và kiểm tra quá trình thực hiện Kế hoạch và chi khác. 50.000.000đ/năm x 5 năm = 250.000.000đ	250.000	
9	Tổ chức Hội thảo đánh giá tổng kết kế hoạch	20.000	
Tổng cộng		6.998.050	

Phụ lục II

Dự toán kinh phí xây dựng và đăng ký một Nhãn hiệu tập thể

(Kèm theo Kế hoạch tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025)

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Nội dung công việc	Kinh phí	Ghi chú
1.	Phí thiết kế mẫu nhãn hiệu (3 mẫu chọn 1)	10.000	
2.	Phí tra cứu nhãn hiệu	1.500	
3.	Xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng NHHT	8.000	Chi trả theo ngày công: 16 công x 0,34 (hệ số lương) x 1.490.000đ = 8.105.000đ
4.	Xây dựng bản đồ địa danh (Theo Thông tư 136/2017/ TT-BTC ngày 22/12/2017 và Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT ngày 19/12/2012); cụ thể gồm: <i>Xác định tên trang, chủ đề, tỷ lệ, kích thước, bố cục nội dung: 1 công x 227.000đ = 227.000đ</i> <i>Viết đề cương biên tập: 1 công x 227.000đ = 227.000đ</i> <i>Thu thập đánh giá dữ liệu: 2 công x 227.000đ = 450.000đ</i> <i>Viết kế hoạch chi tiết: 3 công x 227.000đ = 681.000đ</i> <i>Thiết kế ký hiệu: 1 công x 227.000đ = 227.000đ</i> <i>Biên vẽ yếu tố chuyên môn: 9 công x 227.000đ = 2.043.000đ</i> <i>Quét, số hóa nội dung chuyên môn: 5 công x 227.000đ = 1.135.000đ</i> <i>Biên tập nội dung bản đồ số: 9 công x 227.000đ = 2.043.000đ</i> <i>In, kiểm tra: 3 công x 227.000đ = 681.000đ</i>	9.000	

STT	Nội dung công việc	Kinh phí	Ghi chú
	<p><i>Biên tập các yếu tố nội dung: 5 công x 227.000đ=1.135.000đ</i></p> <p><i>In: 1 công x 227.000đ=227.000đ</i></p>		
5.	<p>Hội thảo lấy ý tưởng thiết kế mẫu NH, lấy ý kiến của địa phương, đơn vị dự kiến chủ sở hữu và của người dân trong vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm để xây dựng quy chế sử dụng nhãn hiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuê xe đi lại (lượt đi và về): 2.000.000đ - Hội trường, âm thanh: 1.000.000đ - Thù lao cho đại biểu tham dự: 50 người x 100.000đ/người = 5.000.000đ. - In ấn, pho to tài liệu phục vụ Hội thảo: 10.000đ/bộ x 50 bộ = 500.000đ - Thù lao báo cáo viên: 02 báo cáo x 350.000đ/báo cáo = 700.000đ - Nước uống, hoa trang trí: 1.000.000đ - Công tác phí đi lại cho cán bộ: 500.000đ 	10.700	Hội thảo lần 1
6.	<p>Hội thảo thống nhất mẫu NH, quy chế sử dụng nhãn hiệu, gồm các chi phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuê xe đi lại (lượt đi và về): 2.000.000đ - Hội trường, âm thanh: 1.000.000đ - Thù lao cho đại biểu tham dự: 50 người x 100.000đ/người = 5.000.000đ. - In ấn, pho to tài liệu phục vụ Hội thảo: 10.000đ/bộ x 50 bộ = 500.000đ - Thù lao báo cáo viên: 02 báo cáo x 350.000đ/báo cáo = 700.000đ - Nước uống, hoa trang trí: 1.000.000đ - Công tác phí đi lại cho cán bộ: 500.000đ 	10.700	Hội thảo lần 2
7.	<p>Lập hồ sơ đăng lý NH (<i>bao gồm chi phí thuê tư vấn từ lập, hoàn thiện hồ sơ, theo dõi, giải trình, chỉnh sửa hồ sơ</i>)</p>	5.000	

STT	Nội dung công việc	Kinh phí	Ghi chú
	<i>trước Cục SHTT trong suốt thời gian từ khi nộp hồ sơ đến khi có văn bằng bảo hộ)</i>		
8.	Nộp lệ phí quốc gia (Theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 cho 01 nhãn hiệu/04 nhóm SP)	3.190	
9.	Thuê xe đi lại, chi phí ăn ở, đi lại cho chuyên gia, công tác phí cho cán bộ tham gia thực hiện trong quá trình xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm (Vé tàu, xe, ngủ nghỉ và công tác phí, chế độ ngủ nghỉ của cán bộ quản lý).	5.000	Chuyên gia có thể từ Đà Nẵng, Hà Nội, Hồ Chí Minh,...
Tổng cộng		63.090	

Phụ lục III

Dự toán kinh phí tổ chức quản lý, sử dụng và phát triển cho một Nhãn hiệu (bao gồm nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể)

(Kèm theo Kế hoạch tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025)

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Nội dung công việc	Kinh phí	Ghi chú
1	Tổ chức Hội thảo thống nhất ý kiến để củng cố công tác tổ chức quản lý, sử dụng, phát triển sản phẩm và thống nhất hệ thống nhận diện sản phẩm để in ấn dùng thử. - Thuê xe đi lại (lượt đi và về): 2.000.000đ - Hội trường, âm thanh: 1.000.000đ - Thù lao cho đại biểu tham dự: 50 người x 100.000đ/người = 5.000.000đ. - In ấn, pho to tài liệu phục vụ Hội thảo: 10.000đ/bộ x 50 bộ = 500.000đ - Thù lao báo cáo viên: 02 báo cáo x 350.000đ/báo cáo = 700.000đ - Nước uống, hoa trang trí: 1.000.000đ - Công tác phí đi lại cho cán bộ: 500.000đ	10.700	
2	Xây dựng quy trình cấp thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu	8.000	Chi trả theo ngày công: 16 công x 0,34 (hệ số lương) x 1.490.000đ = 8.105.000đ
3	Thu thập thông tin, thiết kế hệ thống tem, nhãn, bao bì, tờ rơi, áp phích, bảng hiệu (hệ thống nhận diện) cho từng sản phẩm	5.000	5.000.000đ/nhãn hiệu/hệ thống nhận diện
4	In ấn hệ thống tem, nhãn, bao bì, tờ rơi, áp phích, bảng hiệu (hệ thống nhận diện) cho từng sản phẩm Tờ rơi: 3.000 tờ x 2.000đ/tờ = 6.000.000đ Nhãn dán bao bì: 6.000 nhãn x 1.500đ/nhãn = 9.000.000đ Áp phích: 100 tờ x 20.000đ/tờ = 2.000.000đ	60.000	In ấn theo thực tế sản phẩm và giá thị trường.

STT	Nội dung công việc	Kinh phí	Ghi chú
	Tem chống hàng giả: $8.000 \times 1.000\text{đ}/\text{tem} = 8.000.000\text{đ}$ In hộp giấy đựng bao bì $2.500 \times 10.000\text{đ}/\text{hộp} = 25.000.000\text{đ}$ Bảng hiệu quảng cáo $10 \times 1.000.000\text{đ}/\text{bảng} = 10.000.000\text{đ}$		
5	Tổ chức tạo tập huấn phổ biến kiến thức về cách thức sử dụng nhãn hiệu, vai trò đăng ký nhãn hiệu cho các hộ dân trong vùng thực hiện kế hoạch: - Thuê xe đi lại (lượt đi và về): 2.000.000đ - Hội trường, âm thanh: 1.000.000đ - Thù lao cho đại biểu tham dự: 50 người \times 100.000đ/người = 5.000.000đ. - In ấn, pho to tài liệu phục vụ tập huấn: 20.000đ/bộ \times 50 bộ = 1.000.000đ - Thù lao báo cáo viên: 03 báo cáo \times 350.000đ/báo cáo = 1.050.000đ - Nước uống, hoa trang trí: 1.000.000đ - Công tác phí đi lại cho cán bộ: 500.000đ	11.550	
6	Tổ chức trao quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân: - Thuê xe đi lại (lượt đi và về): 2.000.000đ - Hội trường, âm thanh: 1.000.000đ - Thiết kế, in ấn giấy chứng nhận, khung = 1.000.000đ - Nước uống, hoa trang trí: 1.000.000đ - Công tác phí đi lại cho cán bộ: 500.000đ	5.500	
7	Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh (kể cả chi phí đi lại, hội thảo, tọa đàm, ...)	50.000	Thuê tư vấn
8	Hỗ trợ kinh phí vận hành mô hình (chi phí đi lại, công lao động, văn phòng phẩm,)	30.000	
	Tổng cộng	180.750	

Phụ lục IV

Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện phân theo các nguồn kinh phí

(Kèm theo Kế hoạch tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025)

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Kinh phí tạo lập quyền SHCN dưới hình thức nhãn hiệu tập thể 20 sản phẩm x 63.090.000đ = 1.261.800.000đ (Chi tiết theo phụ lục 2)	1.261.800	630.900	630.900	0	0	0
2	Thực hiện nội dung quản lý, sử dụng và phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm. 15 sản phẩm x 180.750.000 = 2.711.250.000đ (Chi tiết được thể hiện ở phụ lục 3)	2.711.250	180.750	361.500	723.000	723.000	723.000
3	Tổ chức hệ thống giới thiệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho từng sản phẩm tại các chợ, siêu thị, địa điểm du lịch. - Chi phí thuê mặt bằng (ký gửi) chi phí thiết kế, xây dựng gian hàng giới thiệu sản phẩm tại các chợ, siêu thị, địa điểm du lịch: 40.000.000đ/địa	1.055.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000

TT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	<p>điểm/năm x 4 địa điểm/ năm x 5 năm = 800.000.000đ</p> <p>- Chi phí mua sản phẩm để trưng bày, giới thiệu người tiêu dùng, dùng thử sản phẩm:</p> <p>Bình quân mỗi sản phẩm mua 7 triệu, có 25 sản phẩm, vậy tổng kinh phí: 25 x 7.000.000đ = 175.000.000đ.</p> <p>- Chi tiền thuê xe vận chuyển sản phẩm từ các địa phương về địa điểm trưng bày</p> <p>2.000.000đ/lượt (lượt đi và về) x 8 lượt/năm x 5 năm = 80.000.000đ</p>						
4	<p>Tổ chức xây dựng phim tư liệu giới thiệu sản phẩm trên phương tiện truyền thông</p> <p>40 triệu đồng/ năm x 5 năm (bao gồm cả chi phí xây dựng phim, chi phí đi lại,...)</p>	200.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
5	<p>Xây dựng Website cho từng sản phẩm</p> <p>40.000.000đ/Website /sản phẩm x 25 sản phẩm= 600.000.000đ</p> <p>(bao gồm chi phí thiết kế, nhập</p>	1.000.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000

TT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	liệu, duy trì, mua tên miền, thuê Hosting, hướng dẫn vận hành Website,..)						
6	Chi phí thuê hỗ trợ kỹ thuật, giám sát việc vận hành mô hình quản lý, sử dụng và phát triển sản phẩm 2.000.000đ/người/tháng/sản phẩm x 15 tháng x 15 sản phẩm	450.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
7	Chi phí văn phòng phẩm trong quá trình triển khai kế hoạch: (mỗi năm 10 triệu, kế hoạch triển khai trong 5 năm) 5năm x 10.000.000 =50.000.000đ	50.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
8	Chi phí công tác phí, thuê xe đi lại làm việc với các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch và kiểm tra quá trình thực hiện Kế hoạch và chi khác 50.000.000đ/năm x 5 năm = 250.000.000đ	250.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
9	Tổ chức Hội thảo đánh giá tổng kết kế hoạch	20.000	0	0	0	0	20.000
	Tổng cộng	6.998.050	1.412.650	1.593.400	1.324.000	1.324.000	1.344.000